

YẾU TỐ BẤT BIẾN DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA - TRỤ CỘT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH HÀ NỘI, NỀN TẢNG TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC CHIẾN LƯỢC MỚI

TS.KTS LÊ XUÂN TRƯỜNG | TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Tính đến ngày 16/9/2025, để hiện thực hóa hai mục tiêu 100 năm, xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, trường tồn và bền vững, Lãnh đạo chủ chốt Đảng, Nhà nước đã ban hành, quán triệt 07 Nghị quyết chiến lược đột phá, tiếp nối và bổ sung mạnh mẽ cho nhau dần tạo nên một chỉnh thể hữu cơ thống nhất. Cụ thể là: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70 về Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71 về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72 về Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bên cạnh cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại giang sơn, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, các chiến lược trên tất yếu sẽ ảnh hưởng toàn diện tới Thủ đô Hà Nội. Muốn phát triển nhanh và bền vững cần sớm chuyển trọng tâm Đổi mới Sáng tạo vào nền tảng Văn hóa, đầu tiên là Kiến trúc Quy hoạch, nên cần phải sớm điều chỉnh từ Quy hoạch chung TP Hà Nội đến các Quy hoạch chi tiết.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thủ đô Hà Nội là đô thị đặc biệt, cấu trúc Quy hoạch chung phải được cụ thể hóa theo nhiều yếu tố hay góc nhìn. Có 10 góc nhìn về cấu trúc Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội:

- i) Góc nhìn Pháp luật có liên quan;
- ii) Góc nhìn Kinh tế của cấu trúc không gian: Thúc đẩy phát triển vùng động lực, kinh tế tri thức; Gắn kết với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; Thu hút đầu tư, tạo sinh kế cho người dân; Tối ưu hóa nguồn lực đất đai, hạ tầng và cơ chế tài chính đô thị.
- iii) Góc nhìn Văn hoá: Bảo vệ và quản lý di sản; Phát triển ngành Công nghiệp (CN) văn hóa; Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa; Hình thành môi trường văn hóa; Phát triển đô thị thông minh gắn với văn hóa; Danh hiệu văn hóa điểm khởi đầu cho các giải pháp quy hoạch, kiến trúc cảnh quan và nghệ thuật tạo hình.
- iv) Góc nhìn Liên kết vùng với vai trò trung tâm vùng Thủ đô và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- v) Góc nhìn Kỹ thuật - Hạ tầng có cấu trúc đô thị định hướng theo giao thông

công cộng (TOD), được quy hoạch đồng bộ và sử dụng hiệu quả.

- vi) Góc nhìn Phát triển bền vững.
- vii) Góc nhìn Chuyển đổi số, trước hết trong việc lập, quản lý quy hoạch, dự báo phát triển.
- viii) Góc nhìn Xã hội - Dân cư - Cộng đồng.
- ix) Góc nhìn Tổ chức thực hiện.
- x) Góc nhìn Thể chế - Quản trị đô thị.

Tại đây các yếu tố văn hóa hay góc nhìn văn hóa có một vai trò quan trọng và có tác động to lớn, bao trùm tới cấu trúc quy hoạch từ triết lý, quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển cho tới các định hướng phát triển ("**Văn hóa soi đường cho quốc dân đi**")- Chủ tịch Hồ Chí Minh) nên nghiên cứu các yếu tố bất biến dưới góc nhìn văn hoá không chỉ là đảm bảo các mục tiêu phát triển mà còn mở rộng ra nghiên cứu các yếu tố cơ bản, cốt lõi gắn với cấu trúc quy hoạch để vừa kế thừa, đáp ứng nhu cầu hiện có, vừa đáp ứng nhu cầu của tương lai dựa trên các động lực phát triển mới. Vì vậy, yếu tố Bất biến dưới góc nhìn Văn hóa là trụ cột điều chỉnh Quy hoạch Hà Nội, nền tảng triển khai hiệu quả các chiến lược mới.

CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA - TRỤ CỘT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH HÀ NỘI

Trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển, văn hóa luôn là vấn đề được đặc biệt quan tâm. Nguồn lực văn hóa nói chung, di tích lịch sử văn hóa nói riêng đã được nhiều nghiên cứu nhắc đến như một nguồn lực mềm/sức mạnh mềm để quy hoạch đô thị và phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững thông qua việc phát triển các ngành Công nghiệp văn hóa.

Công nghiệp văn hóa đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà nghiên cứu và được tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau: kinh tế học, chính trị học, xã hội học, văn hóa học... Các công trình nghiên cứu mang tính lý luận về Công nghiệp văn hóa được giới học thuật quan tâm từ những năm 30 của thế kỷ XX. Năm 1998, UNESCO lần đầu tiên coi khái niệm các ngành Công nghiệp văn hóa theo nghĩa đây là một lĩnh vực có tiềm năng về kinh tế. Năm 2005 UNESCO, thông qua Công ước về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu tượng văn hóa, khuyến khích các quốc gia bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu tượng văn hóa trong quá trình sáng tạo, sản xuất và phổ biến các sản phẩm và dịch vụ văn hóa ở cấp quốc gia và quốc tế.

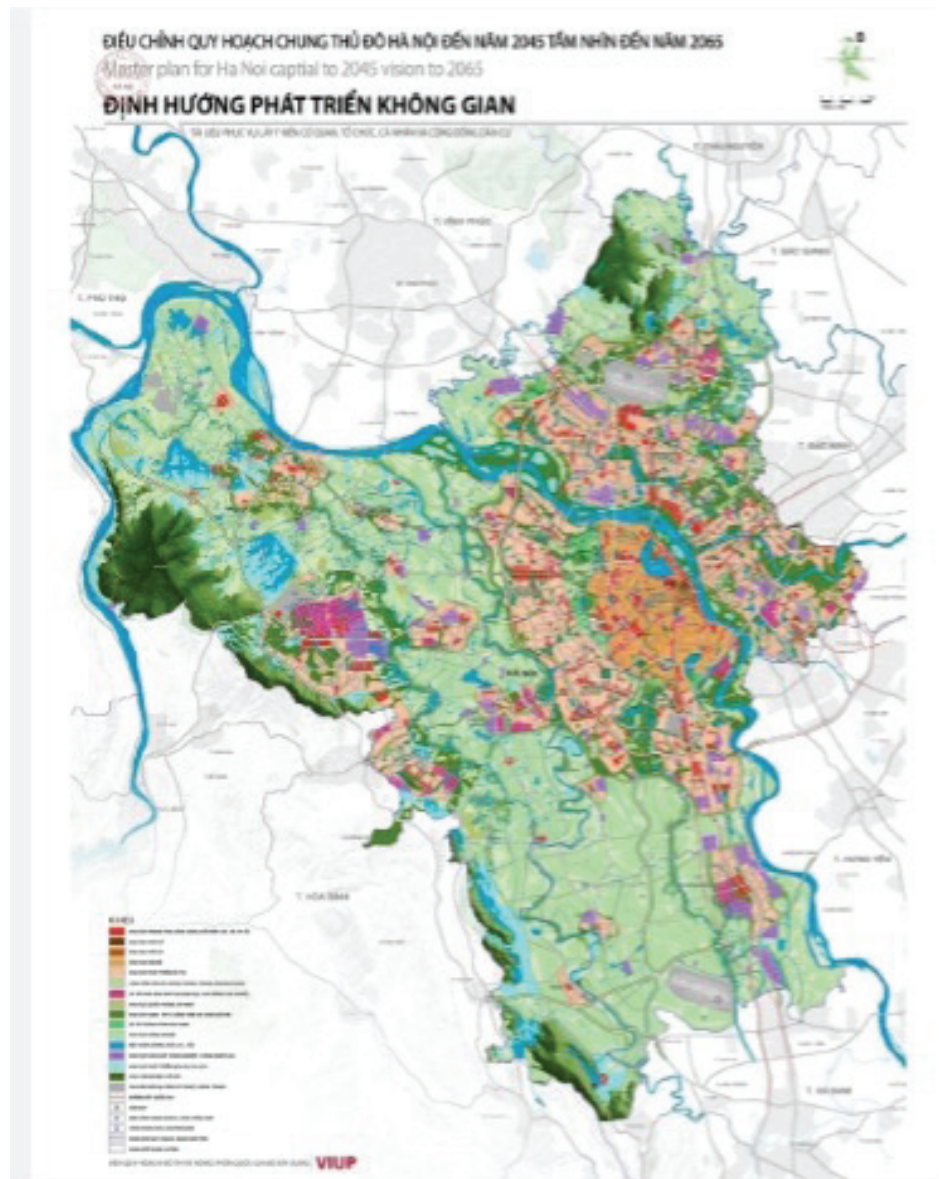
Quy hoạch là một quá trình, thường tuân theo cách tiếp cận từ trên xuống, được phân theo loại quy hoạch đô thị và nông thôn, gồm Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã, Quy hoạch các khu chức năng và quy hoạch chi tiết. Trong thời gian tới Hà Nội phải tiến hành thực hiện một khối lượng lớn đồ án gồm: 66 đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tại đô thị trung tâm và đô thị vệ tinh; lập và điều chỉnh hơn 100 đồ án Quy hoạch phân khu mới theo các trục không gian và theo chức năng; 75 đồ án Quy hoạch chung xã mới sau sáp nhập; không kể hàng trăm các quy hoạch chi tiết triển khai cùng lúc phục vụ cho các dự án đầu tư xây dựng. Tại công văn số 3908/QĐ-UBND, ngày 24/7/2025, UBND TP Hà Nội đã giao nhiệm vụ tổ chức lập Quy hoạch chung các xã trên địa bàn Hà Nội.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố pháp lý có liên quan, theo các nội dung mà Luật Thủ đô, Quy hoạch Thủ đô Hà Nội, Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đã đề xuất và được phê duyệt; Cơ sở khoa học về văn hóa trong cấu trúc Quy hoạch chung các đô thị trong và ngoài nước, có thể tổng hợp được các nhóm nội dung gắn với mức độ thay đổi (bất biến, vi biến, khả biến) khi triển khai các Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã, Quy hoạch chi tiết. Đây có thể coi là các yếu tố bất biến khung trong Quy hoạch chung TP Hà Nội.

Nguyên tắc nhận diện yếu tố bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa

Bất biến là tính từ chỉ những điều không thay đổi, không biến đổi theo thời gian hay hoàn cảnh. Đặc điểm chính của bất biến là sự ổn định và không thay đổi, hoặc ít thay đổi, điều này thể hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có Quy hoạch đô thị.

Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã (cũng như Quy hoạch chi tiết) phải phù hợp với quy hoạch Thủ đô, liên quan đến: Phạm vi, quy mô, thời hạn quy hoạch; Triết lý, quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu và động lực phát triển; Tính chất đô thị; Dự báo phát triển về quy mô đất đai, dân số;



Điều chỉnh Quy hoạch chung Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến năm 2065 (nguồn VIUP)

Mô hình phát triển, cấu trúc không gian toàn thành phố; Định hướng phát triển không gian tổng thể và không gian cho đô thị trung tâm; Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật toàn thành phố và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật cho khu vực đô thị trung tâm; Đánh giá môi trường chiến lược; Đề xuất các chương trình ưu tiên đầu tư phát triển và nguồn lực thực hiện. *Đây có thể là việc nhận diện Các yếu tố bất biến khung.*

Các yếu tố bất biến này tập trung vào nội dung không gian hay cấu trúc quy hoạch, dưới góc nhìn của văn hóa.

Các yếu tố bất biến cần được cụ thể hóa thành các tiêu chí để thuận lợi cho việc lập, thẩm định và trình phê duyệt các quy hoạch cấp thấp hơn.

Các yếu tố bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa không chỉ căn cứ vào nội dung của Quy hoạch chung TP Hà Nội mà còn phải phù hợp với tính phổ quát chung về văn hóa trên thế giới.

3 nhóm đối tượng nghiên cứu: Các yếu tố bất biến; Cấu trúc quy hoạch; Góc nhìn văn hóa phải được tích hợp và đồng bộ hóa thành hai Hệ thống các yếu tố bất biến chi tiết: Bộ tiêu chí bất biến về văn hóa trong cấu trúc quy hoạch chung TP Hà Nội.

Các yếu tố bất biến khung trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội tác động đến quá trình lập, điều chỉnh Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã được tổng hợp trong bảng sau.

TT	Các nội dung chính trong QH chung TP Hà Nội	Mức độ phù hợp khi lập, điều chỉnh QH phân khu, QH chung xã		
		Phù hợp hoàn toàn (Bất biến)	Phù hợp một phần (Vi biến)	Thay đổi hoàn toàn hay không đề cập đến (Khả biến)
1	Phạm vi, quy mô, thời hạn QH	x	x	
2	Triết lý, quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu và động lực phát triển	x		
3	Tính chất đô thị	x		
4	Dự báo phát triển			
4.1	Quy mô đất đai		x	x
4.2	Quy mô dân số		x	x
5	Mô hình phát triển, cấu trúc không gian toàn TP			
5.1	5 không gian phát triển			
5.1.1	Không gian trên cao		x	x
5.1.2	Không gian ngầm dưới đất		x	
5.1.3	Không gian công cộng		x	x
5.1.4	Không gian văn hóa – sáng tạo		x	x
5.1.5	Không gian số			x
5.2	5 Hành lang, vành đai kinh tế			
5.2.1	Hành lang phía Bắc Thủ đô	x	x	
5.2.2	Hành lang kinh tế Đông Bắc Thủ đô	x	x	
5.2.3	Hành lang kinh tế Bắc - Nam	x	x	
5.2.4	Hành lang kinh tế Tây Bắc	x	x	
5.2.5	Vành đai kinh tế vùng Thủ đô	x	x	
5.3	5 Vùng đô thị			
5.3.1	Vùng đô thị phía Nam sông Hồng (khu vực nội đô lịch sử và khu vực mở rộng)	x	x	
5.3.2	Vùng đô thị phía Đông	x	x	
5.3.3	Vùng đô thị phía Bắc sông Hồng	x	x	
5.3.4	Vùng đô thị phía Tây	x	x	
5.3.5	Vùng đô thị phía Nam	x	x	
5.4	5 trục không gian quan trọng			
5.4.1	Trục sông Hồng, trục không gian cảnh quan chủ đạo	x	x	
5.4.2	Trục Hồ Tây – Ba Vì, trục Di sản văn hóa	x	x	
5.4.3	Trục Hồ Tây - Cổ Loa, trục kết nối di sản đô thị lịch sử	x	x	
5.4.4	Trục Nhật Tân – Nội Bài, trục phát triển kinh tế, đô thị thông minh, kết nối với các hành lang kinh tế đối ngoại, sân bay	x	x	
5.4.5	Trục Nam Hà Nội, gắn với trục văn hóa Mỹ Đình – Ba Sao – Bái Đính, kết nối di sản Thăng Long – Hoa Lư và với các tỉnh bên ngoài.	x	x	
5.5	Trục GT vành đai và hướng tâm	x	x	
6	Định hướng phát triển không gian			
6.1	Định hướng phát triển không gian tổng thể			
6.1.1	Định hướng phát triển không gian theo hệ thống 5 vùng đô thị	x	x	
6.1.2	Định hướng các vùng chức năng khác	x	x	
6.1.3	Định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn: mô hình nông thôn truyền thống; nông thôn nằm trong vùng đô thị hóa; nông thôn, làng cổ, làng nghề	x	x	
6.1.4	Định hướng phát triển trục không gian xanh, hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh	x	x	

6.2	Định hướng phát triển không gian cho đô thị trung tâm			
6.2.1	Hướng phát triển, mở rộng đô thị trung tâm	x	x	
6.2.2	Phạm vi, quy mô các khu chức năng, các khu chuyển đổi chức năng, khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang cải tạo, khu cần bảo tồn tồn tạo, khu phát triển mới, khu cấm XD, khu dự trữ phát triển	x	x	
6.2.3	Chỉ tiêu mật độ dân cư, sử dụng đất, nguyên tắc phát triển các khu chức năng	x	x	
6.2.4	Xác định hệ thống TT hành chính, thương mại, dịch vụ, TT công cộng, TDTT, CV cây xanh và không gian mở, TT chuyên ngành;	x	x	
6.2.5	Xác định các khu vực dự kiến XD công trình ngầm		x	x
6.2.6	Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan, các khu vực TT, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian CX, mặt nước; Hệ thống các điểm nhấn cảnh quan; 5 trục không gian cảnh quan; 4 vùng cảnh quan đặc trưng;	x	x	
7	Định hướng QH sử dụng đất đai theo các giai đoạn	x	x	
8	Định hướng phát triển kinh tế xã hội			
9.7.1	Nguồn nước: Giảm khai thác nước ngầm, sử dụng nguồn nước mặt từ các sông		x	x
9.7.2	Công trình đầu mối cấp nước chính: Nâng công suất các nhà máy hiện có và xây dựng các máy nước mới		x	x
9.7.3	Mạng lưới cấp nước: Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cấp nước liên vùng		x	x
9.7.4	Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước tại khu vực đô thị và nông thôn		x	x
9.8	Thu gom và xử lý nước thải			
9.8.1	Khu vực đô thị: Hệ thống các nhà máy xử lý nước thải tập trung gắn với việc chia nhỏ các lưu vực xử lý nước thải		x	x
9.8.2	Khu vực nông thôn: Khu vực kề liên đô thị được thu gom cùng hệ thống thoát nước đô thị. Các khu vực khác xử lý nước thải rạng phân tán, tại chỗ		x	x
9.8.3	Nước thải CN: Phải thu gom xử lý tập trung		x	x
9.9	Thu gom và xử lý chất thải rắn			
9.9.1	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt: Khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn 95%	x		
9.9.2	Phân loại chất thải rắn tại nguồn; Chất thải rắn nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng	x		
9.9.3	Phạm vi thu gom theo 3 vùng; Công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại; Cải tạo đối với khu xử lý chất thải đã lấp đầy;		x	
9.10	Quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ		x	
9.11	Phát triển phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn	x		
10	Bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu			
10.1	Phân tích dự báo những tác động đến phát triển KTXH và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường		x	x
10.2	Phương án tổng thể về môi trường			
10.2.1	Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		x	x
10.2.2	Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản		x	x
10.2.3	Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra		x	x
10.2.4	Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu		x	x
10.3	Chương trình, kế hoạch giám sát môi trường		x	x
11	Thực hiện quy hoạch			
11.1	Phân kỳ thực hiện theo quy hoạch		x	
11.2	Chương trình, dự án trọng tâm		x	x

Bảng 1: Yếu tố bất biến khung trong cấu trúc quy hoạch TP Hà Nội để đánh giá mức độ phù hợp khi lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã (Ghi chú: x: Có liên quan)



Các yếu tố bất biến khung là luận cứ quan trọng cho việc đề xuất Bộ tiêu chí các yếu tố bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa tại phần tiếp sau.

Các cơ sở hay luận cứ có liên quan

Vai trò của văn hóa tại Việt Nam và Di sản văn hóa tại Việt Nam liên quan đến Luật Di sản Văn hóa (Luật số 45/2024/QH15);

Các loại di sản:

- Di sản thế giới do UNESCO lựa chọn gắn với các tiêu chí lựa chọn; Di sản thế giới tại Việt Nam và tại TP Hà Nội;

- Di sản văn hóa phi vật thể, Di sản tư liệu thế giới; Khu dự trữ sinh quyển thế giới; Công viên địa chất toàn cầu do UNESCO lựa chọn gắn với tiêu chí lựa chọn, tại Việt Nam và TP Hà Nội;

- Di tích quốc gia đặc biệt tại Việt Nam gắn với tiêu chí đánh giá, lựa chọn; Thống kê các Di tích quốc gia đặc biệt tại TP Hà Nội.

- Ngoài thống kê hệ thống 1 Di sản thế giới, 2 Di sản phi vật thể, 2 Di sản tư liệu thế giới, 20 Di tích quốc gia đặc biệt; Danh hiệu văn hóa như "Thành phố vì hòa bình", "Thành phố sáng tạo", Nghiên cứu này còn dự báo các danh

hiệu văn hóa đặc sắc về văn hóa của TP Hà Nội, trong đó có "Thủ đô Văn hóa của các quốc gia ASEAN".

- Hệ thống các di sản nêu trên là cơ sở cho việc: i) Xác lập hệ thống các điểm nhấn trong đô thị; ii) Xác lập các tuyến, hành lang văn hóa, trung tâm văn hóa trong Quy hoạch chung và cũng là yếu tố bất biến, tiền đề cho các quy hoạch tiếp theo. Hệ thống Di sản cũng tạo ra sự khác biệt giữa 5 trục không gian quan trọng, đặc biệt là Trục sông Hồng kết hợp với sông Đuống, Trục Hồ Tây - Ba Vì; Trục Hồ Tây - Cổ Loa; Trục Nam Hà Nội; iii) Xác lập các vùng cảnh quan đặc trưng tại: Vùng cảnh quan đô thị tập trung (nội đô và khu vực phát triển đô thị mở rộng); Vùng cảnh quan chuỗi đô thị ven đô và các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái; Vùng cảnh quan hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, dọc các tuyến sông chính; Vùng cảnh quan nông thôn.

Quy hoạch chung và Điều chỉnh Quy hoạch chung TP Hà Nội đề xuất 5 không gian phát triển. Một trong 5 không gian phát triển đó là Không gian văn hóa - sáng tạo, trong đó chú trọng phát triển Công nghiệp văn hóa. Thông qua việc làm rõ:

- Vai trò của ngành Công nghiệp văn hóa đối với mỗi quốc gia, cả về vị thế,

kinh tế xã hội, văn hóa xã hội, bản sắc - truyền thống, thiên nhiên - môi trường;

- Phát triển ngành Công nghiệp văn hóa tại Việt Nam và tại TP Hà Nội gắn với chiến lược phát triển, công nghệ, thị trường, doanh nghiệp, lao động - tầng lớp sáng tạo và tương tác đô thị, làm cho đô thị trở thành "Thành phố văn hóa" hay "Thành phố đáng sống".

- Muốn phát triển Công nghiệp văn hóa cần đầu tư xây dựng Hệ thống kết cấu hạ tầng cho ngành Công nghiệp văn hóa. Đây là một vấn đề còn mới với Việt Nam, song là nhu cầu mang tính cấp thiết góp phần đóng góp 7% GDP của quốc gia, khai thác được Di sản như một hệ thống tài nguyên cho ngành Công nghiệp văn hóa.

Nhận diện hệ thống các yếu tố bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa

Các yếu tố bất biến khung trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội tác động đến quá trình lập, điều chỉnh Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã được tập hợp lại, vừa đảm bảo tính bất biến của cấu trúc không gian vừa gắn với góc nhìn văn hóa tạo thành một hệ thống với 7 nhóm và 31 tiêu chí tập trung cho các nội dung liên quan đến không gian hay giải pháp quy hoạch.

STT	Mã số theo câu trúc không gian	Loại yếu tố bất biến	Ghi chú
	A1	Bảo vệ và quản lý di sản	
	A1.1	<i>Thiết lập và tuân thủ theo các quy định có tính pháp lý</i>	
1	A1.1.1	Có quy định làm rõ quyền sở hữu và quyền hoạt động khai thác trong khu vực Di sản và vùng bảo vệ Di sản	
	A1.2	<i>Hạn chế rủi ro đối với Di sản, như một nguyên tài nguyên quý giá và mong manh của thế giới, của quốc gia</i>	
2	A1.2.1	Do hoạt động sinh kế, thương mại: Lấn chiếm trái phép, khai thác gỗ và khoáng sản, đánh bắt thương mại bất hợp pháp trong phạm vi khu vực Di sản, khai thác và buôn bán bất hợp pháp các hóa thạch	
3	A1.2.2	Do xây dựng các cơ sở hạ tầng quy mô lớn xung quanh: ví dụ như đường giao thông, hồ chứa, các khu đô thị	
4	A1.2.3	Do du khách: Số lượng du khách quá đông cùng với việc với việc xây dựng các cơ sở hạ tầng du lịch	
	A1.3	<i>Chương trình, sáng kiến trong việc giảm thiểu các rủi ro đối với Di sản</i>	
5	A1.3.1	Thiết lập được các quy hoạch bảo tồn Di sản	
	A2	Phát triển ngành công nghiệp văn hóa	
6	A2.1	Số lượng các địa điểm bố trí Khu thương mại và văn hóa (BID - Business Improvement District)	
	A3	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng ngành CN văn hóa	
7	A3.1	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chất lượng, đáng tin cậy, bền vững và có khả năng phục hồi, bao gồm cơ sở hạ tầng địa phương, quốc gia và xuyên biên giới, để hỗ trợ phát triển 12 lĩnh vực của ngành công nghiệp văn hóa	
8	A3.2	Triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa trong nhóm các nước ASEAN và các nước khác gắn với hệ thống Di sản thế giới của UNESCO	
9	A3.3	Triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa trong quốc gia gắn với Hệ thống Di sản thế giới của UNESCO và Hệ thống Di sản cấp quốc gia đặc biệt của Việt Nam	
10	A3.4	Triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa trong mỗi địa phương gắn với Hệ thống Di sản thế giới của UNESCO, Hệ thống Di sản cấp quốc gia đặc biệt của Việt Nam và Hệ thống di sản cấp địa phương	
11	A3.5	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa, là động lực và yếu tố tạo lập các Khu vực thương mại và văn hóa (BID)	
	A5	Môi trường văn hóa và khả năng chống chịu	
12	A5.1	<i>Hệ thống các cơ sở văn hóa</i> , đặc biệt là các công trình văn hóa tâm quốc gia, quốc tế; công trình bảo tàng, nhà triển lãm, cầu qua sông Hồng...bổ sung cho hệ thống các cơ sở văn hóa hiện tại.	
	A5.2	<i>Hệ thống Không gian mở dành cho văn hóa:</i>	
13	A5.2.1	Không gian văn hóa gắn với hệ thống sông, tạo thành tuyến không gian mở dạng hành lang	
14	A4.2.2	Không gian văn hóa gắn với hệ thống trục đường, tạo thành tuyến không gian mở dạng hành lang	

15	A4.2.3	<u>Không gian văn hóa gắn với hệ thống hồ cảnh quan, tạo thành không gian điểm nhấn</u>	
16	A4.2.4	<u>Không gian văn hóa gắn với di tích, quảng trường tạo thành không gian lễ hội và không gian điểm nhấn</u>	
	A9	Văn hóa và đô thị thông minh	
17	A9.1	Cân bằng với tự nhiên: Nhấn mạnh cân bằng sinh thái đô thị, gắn với việc sử dụng và khai thác tài nguyên	
18	A9.2	Cân bằng với truyền thống: Là sự cân bằng giữa sự tiếp nhận theo chiều rộng của văn hóa mới (văn hóa công nghiệp, dịch vụ) và sự kết tinh theo chiều sâu của văn hóa truyền thống (văn hóa nông nghiệp)	
19	A9.3	Công nghệ phù hợp: Nhấn mạnh việc sử dụng vật liệu xây dựng, kỹ thuật xây dựng, hệ thống cơ sở hạ tầng và quản lý dự án phù hợp với bối cảnh địa phương	
20	A9.4	Tương tác xã hội: Nhấn mạnh việc hình thành các khu vực công cộng với nhiều cấp khác nhau phù hợp với mức tương tác cá nhân, bạn bè, hộ gia đình, cộng đồng và xã hội	
21	A9.5	Hiệu quả: Nhấn mạnh đến việc thúc đẩy sự cân bằng giữa tiêu thụ tài nguyên, sử dụng nhân lực, thời gian, tài chính với các thành tựu đáp ứng nhu cầu cơ bản và nhu cầu cấp cao của con người	
22	A9.6	Quy mô của con người: Nhấn mạnh đến việc phát triển đô thị trên mặt đất, có thể đi bộ được và các giải pháp định hướng không gian dựa trên các biện pháp nhân trắc học, gắn với việc tìm hiểu những quy luật phát triển hình thái và thể lực con người Việt Nam	
23	A9.7	Đa dạng về cơ hội: Nhấn mạnh đến việc thúc đẩy khả năng tiếp cận nơi ở, chăm sóc sức khỏe, tăng điều kiện an toàn và vệ sinh và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhiều tầng lớp người gắn với nhu cầu về mức thu nhập, nhà ở, công hiến	
24	A9.8	Hội nhập khu vực: Nhấn mạnh đến sự liên kết bên trong đô thị và với bên ngoài đô thị	
25	A9.9	Đồng bộ kết cấu hạ tầng, trước hết là cân bằng giao thông: Nhấn mạnh đến việc hình thành hệ thống giao thông tích hợp và cân bằng giữa phương thức đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô, xe bus, tàu điện; cân bằng thông qua việc phân chia các tuyến hàng lang vận chuyển hàng hóa và các tuyến không có xe cơ giới tiếp cận các cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội đô thị	
	A10	Di sản văn hoá và cảnh quan	
26	A10.1	Di sản là điểm nhấn cảnh quan tạo hình ảnh đặc trưng của Thủ đô, là không gian văn hóa – sáng tạo, một trong 5 không gian phát triển của TP Hà Nội	
27	A10.2	Di sản là điểm kết nối cho 5 trục không gian quan trọng	
28	A10.3	Di sản là điểm nhấn và điểm kết nối cho 4 vùng cảnh quan đặc trưng: Vùng cảnh quan đô thị tập trung; Vùng cảnh quan chuỗi đô thị ven đô, đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái; Vùng cảnh quan hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh; Vùng cảnh quan nông thôn	
	A11	Danh hiệu văn hóa	
29	A11.1	Hình thành các tuyến, hành lang kết nối các địa điểm gắn trực tiếp với danh hiệu văn hóa, kết hợp với 5 hành lang, vành đai kinh tế, 5 trục không gian quan trọng	
30	A11.2	Hình thành các trung tâm gắn trực tiếp với danh hiệu văn hóa, tạo điểm nhấn của 5 vùng đô thị và khu vực nông thôn;	
31	A11.3	Hình thành cảnh quan kiến trúc, môi trường sạch, đẹp gắn trực tiếp với danh hiệu văn hóa	

Bảng 2: Hệ thống các yếu tố bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa

Các yếu tố hay tiêu chí bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung dưới góc nhìn văn hóa chỉ có ý nghĩa trong việc lập, điều chỉnh Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã khi gắn chúng với các giải pháp quy hoạch có liên quan.

Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A1 - Bảo vệ và quản lý Di sản

Quy hoạch xác định các ranh giới Di sản và vùng bảo vệ Di sản, làm cơ sở cho việc quy định quyền sở hữu và quyền hoạt động khai thác trong khu vực Di sản và vùng bảo vệ Di sản trong đồ án Quy hoạch.

Quy hoạch xác định các không gian cho hoạt động sinh kế xung quanh Khu vực Di sản;

Quy hoạch kiểm soát các cơ sở hạ tầng quy mô lớn xung quanh Khu vực Di sản như đường giao thông, hồ chứa, khu dân cư lân cận;

Quy hoạch kiểm soát các cơ sở hạ tầng du lịch thu hút quá đông du khách làm ảnh hưởng tới Di sản.

Quy hoạch bảo tồn Di sản.

Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A2 - Phát triển ngành Công nghiệp văn hóa

Quy hoạch lựa chọn và bố trí hệ thống trung tâm thương mại và văn hóa (BID - Business Improvement District), cùng với mô hình TOD (Transit Oriented Development, là mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng).

Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A3 - Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cho ngành Công nghiệp văn hóa

Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chất lượng, đáng tin cậy, bền vững và có khả năng phục hồi, bao gồm cơ sở hạ tầng địa phương, quốc gia và xuyên biên giới, để hỗ trợ phát triển 12 lĩnh vực của ngành Công nghiệp văn hóa; Tăng khả năng tiếp cận công bằng, giá cả sản phẩm Công nghiệp văn hóa hợp lý cho tất cả mọi người;

Quy hoạch định hướng triển khai chiến

lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa trong nhóm các nước ASEAN và các nước khác gắn với hệ thống Di sản thế giới của UNESCO;

Quy hoạch định hướng triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa trong quốc gia gắn với Hệ thống Di sản thế giới của UNESCO, Hệ thống Di sản cấp quốc gia đặc biệt của Việt Nam và Hệ thống di sản cấp địa phương;

Quy hoạch định hướng phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa trong mỗi địa phương, gắn với Hệ thống Di sản thế giới của UNESCO, Hệ thống Di sản cấp quốc gia đặc biệt của Việt Nam và Hệ thống di sản cấp địa phương;

Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa cho các Khu vực thương mại và văn hóa (BID).

Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A5 - Môi trường văn hóa và Khả năng chống chịu

Quy hoạch hệ thống các cơ sở văn hóa: quy hoạch định hướng các công trình văn hóa tầm quốc gia, quốc tế, đặc biệt là công trình bảo tàng, nhà triển lãm, cầu qua sông Hồng... bổ sung cho hệ thống các cơ sở văn hóa hiện tại.

Quy hoạch hệ thống không gian mở dành cho văn hóa.

Quy hoạch không gian văn hóa gắn với hệ thống sông, tạo thành tuyến không gian mở dạng hành lang. Trong đó nổi bật là Hành lang văn hóa sông Hồng, sông Đuống, sông Nhuệ, sông Tô Lịch... và cả các con sông ngoại thành như sông Cà Lồ, sông Thiếp, sông Tích.

Quy hoạch không gian văn hóa gắn với hệ thống hồ cảnh quan, tạo thành không gian điểm nhấn. Trong đó nổi bật là: Không gian đi bộ khu vực Hồ Gươm gắn với Khu phố cổ Hoàn Kiếm; khu vực Hồ Tây, hồ Ngọc Khánh, hồ Thiền Quang.

Quy hoạch không gian văn hóa gắn

với di tích, quảng trường tạo thành không gian lễ hội và không gian điểm nhấn. Trong đó nổi bật là: Di sản thế giới; Di tích quốc gia đặc biệt, ví dụ như: Khu vực Quảng trường Ba Đình, Khu vực Thành cổ Hà Nội; Khu vực Văn Miếu và vùng phụ cận; Khu vực Thành cổ Sơn Tây...

Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A9 - Văn hóa và đô thị thông minh

Theo Quy hoạch Thủ đô Hà Nội và Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đã được phê duyệt, mục tiêu đến năm 2045 phải hướng tới một đô thị thông minh. Trong giai đoạn đầu, tập trung quy hoạch các khu vực tăng trưởng thông minh.

Đô thị thông minh phải được thiết lập theo các nguyên tắc, gắn với giải pháp quy hoạch phù hợp:

i) Quy hoạch sử dụng đất và tài nguyên đáp ứng nguyên tắc về Cân bằng với tự nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái đô thị; tương tự như mô hình thành phố vườn (vườn trong thành phố);

ii) Quy hoạch phát triển văn hóa trong giai đoạn Cách mạng công nghiệp 4.0, đáp ứng nguyên tắc về Cân bằng với truyền thống, là sự cân bằng giữa sự tiếp nhận theo chiều rộng của văn hóa mới (văn hóa công nghiệp, dịch vụ, xã hội số) và sự kết tinh theo chiều sâu của văn hóa truyền thống (văn hóa nông nghiệp);

iii) Quy hoạch theo mô hình công nghệ xây dựng thông minh, đáp ứng nguyên tắc về Công nghệ phù hợp, là việc sử dụng vật liệu xây dựng, kỹ thuật xây dựng, hệ thống cơ sở hạ tầng và quản lý dự án phù hợp với bối cảnh địa phương, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh;

iv) Quy hoạch các khu vực công cộng phù hợp theo các mức tương tác xã hội, đáp ứng nguyên tắc về Tương tác xã hội, phù hợp với mức tương tác cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng và xã hội;

v) Quy hoạch theo mô hình hiệu quả, đáp ứng nguyên tắc về Hiệu quả, nhấn mạnh đến việc thúc đẩy sự cân bằng giữa tiêu thụ tài nguyên, sử dụng nhân lực, thời gian, tài chính với các thành tựu đáp ứng nhu cầu cơ bản và nhu cầu cấp cao của con người;

vi) Quy hoạch theo mô hình phù hợp với thông số của con người, đáp ứng nguyên tắc về Quy mô của con người, nhấn mạnh đến việc phát triển đô thị trên mặt đất, có thể đi bộ được và các giải pháp định hướng không gian dựa trên các biện pháp nhân trắc học, gắn với việc tìm hiểu những quy luật phát triển hình thái và thể lực con người Việt Nam;

vii) Quy hoạch theo mô hình tạo lập cơ hội phát triển, đáp ứng nguyên tắc Đa dạng về cơ hội, nhấn mạnh đến việc thúc đẩy khả năng tiếp cận nơi ở, chăm sóc sức khỏe, tăng điều kiện an toàn, vệ sinh và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhiều tầng lớp người gắn với nhu cầu về mức thu nhập, nhà ở (nhà ở xã hội, chung cư cũ), cống hiến;

viii) Quy hoạch hệ thống hành lang, trục không gian liên kết, đáp ứng nguyên tắc Hội nhập khu vực, nhấn mạnh đến sự liên kết bên trong đô thị và với bên ngoài đô thị;

ix) Quy hoạch kết cấu hạ tầng theo mô hình đồng bộ và cân bằng, trước hết hình thành hệ thống giao thông cân bằng giữa phương thức đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô, xe bus, tàu điện; cân bằng thông qua việc phân chia các tuyến hành lang vận chuyển hàng hóa và các tuyến không có xe cơ giới tiếp cận các cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội đô thị.

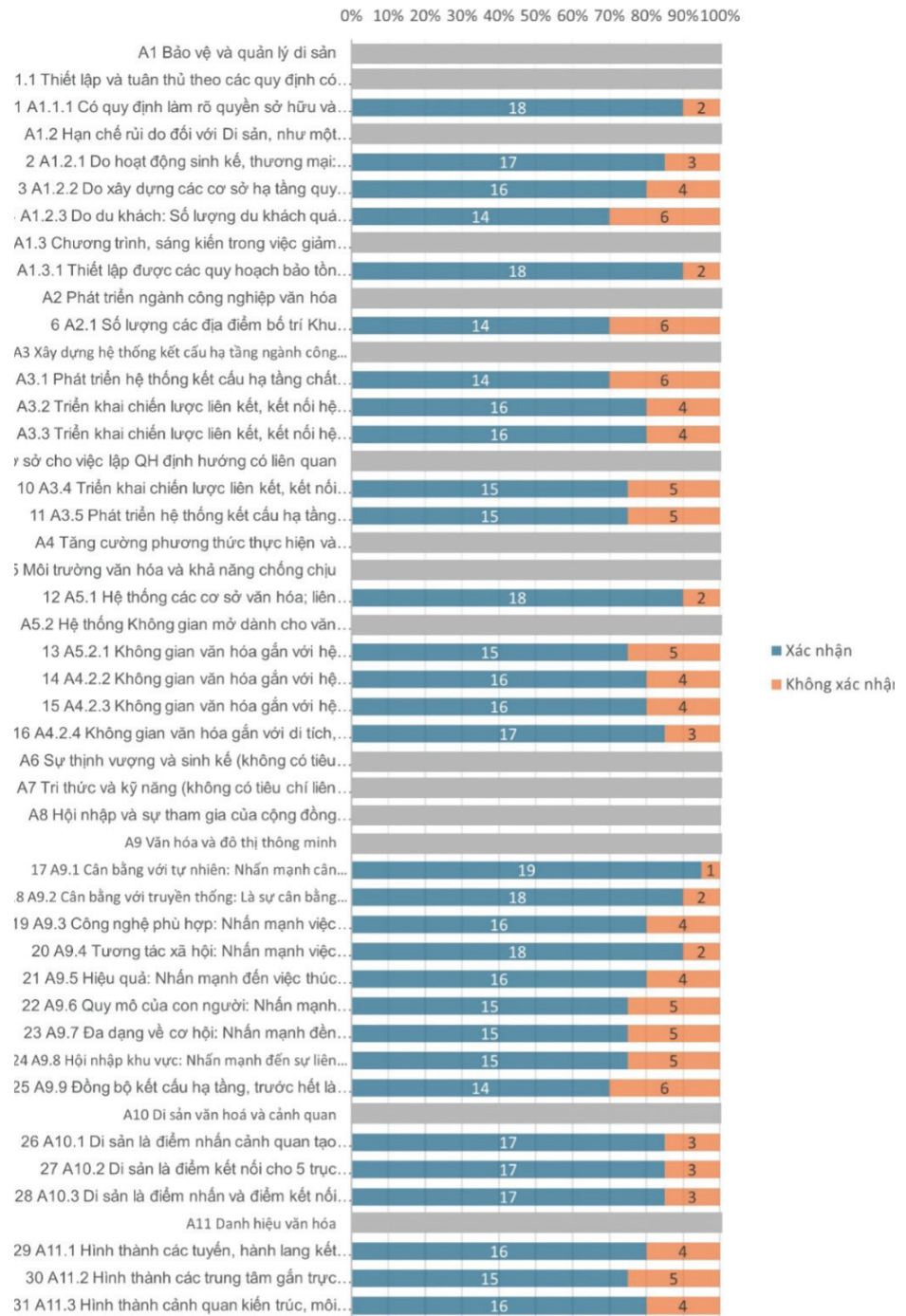
Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A10 - Di sản văn hóa và cảnh quan

Quy hoạch Di sản như là Hệ thống điểm nhấn cảnh quan tạo hình ảnh đặc trưng của Thủ đô; là Không gian văn hóa - sáng tạo, là 1 trong 5 không gian phát triển của TP Hà Nội (Không gian trên cao; Không gian ngầm dưới đất; Không gian công cộng; Không gian văn hóa - sáng tạo; Không gian số);

Quy hoạch Di sản là Hệ thống điểm kết nối cảnh quan cho 5 trục không gian quan trọng, đặc biệt là: Trục Sông Hồng, Trục Hồ Tây - Ba Vì, Trục Hồ Tây - Cổ Loa và Trục Nam Hà Nội.

Quy hoạch Di sản là Hệ thống điểm nhấn và điểm kết nối cảnh quan cho 4 vùng cảnh quan đặc trưng: Vùng cảnh quan đô thị tập trung; Vùng cảnh quan chuỗi đô thị ven đô, đô thị vệ tinh, thị

BẢNG 3: BỘ TIÊU CHÍ CÁC YẾU TỐ BẤT BIẾN TRONG CẤU TRÚC QUY HOẠCH CHUNG DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA



trấn sinh thái; Vùng cảnh quan hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh; Vùng cảnh quan nông thôn.

Giải pháp Quy hoạch liên quan đến Tiêu chí A11 - Danh hiệu văn hóa

Quy hoạch các tuyến, hành lang kết nối các địa điểm gắn trực tiếp với danh hiệu văn hóa, kết hợp với 5 hành lang, vành đai kinh tế (Hành lang phía Bắc Thủ đô; Hành lang kinh tế Đông Bắc Thủ đô; Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang

kinh tế Tây - Bắc; Vành đai kinh tế vùng Thủ đô); 5 trục không gian quan trọng (Trục Sông Hồng; Trục Hồ Tây - Ba Vì; Trục Hồ Tây - Cổ Loa; Trục Nhật Tân - Nội Bài; Trục Nam Hà Nội).

Quy hoạch các trung tâm thương mại và văn hóa gắn trực tiếp với danh hiệu văn hóa, tạo điểm nhấn của 5 vùng đô thị (Vùng đô thị phía Nam sông Hồng; Vùng đô thị phía Đông; Vùng đô thị phía Bắc; Vùng đô thị phía Tây; Vùng đô thị phía Nam) và khu vực nông thôn.

STT	Mã số	Loại yếu tố bất biến - Tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá mức độ đáp ứng hay phù hợp của đồ án QH			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	Điểm đánh giá
	1	Bảo vệ và quản lý di sản				10
1	1.1	Có quy định làm rõ quyền sở hữu và quyền hoạt động khai thác trong khu vực Di sản và vùng bảo vệ Di sản... liên quan đến <i>xác định phạm vi ranh giới Di sản và vùng bảo vệ Di sản trong đồ án QH</i>	Không đáp ứng được	Đáp ứng được một phần	<i>Đáp ứng được hoàn toàn</i>	2
2	1.2	Hạn chế rủi ro bởi hoạt động sinh kế, thương mại: Lấn chiếm trái phép, khai thác gỗ và khoáng sản, đánh bắt thương mại bất hợp pháp, khai thác và buôn bán bất hợp pháp các hóa thạch trong phạm vi khu vực Di sản; liên quan đến <i>QH xác định các không gian cho hoạt động sinh kế</i>				2
3	1.3	Hạn chế rủi ro bởi XD các cơ sở hạ tầng quy mô lớn xung quanh: ví dụ như đường giao thông, hồ chứa, các khu đô thị; liên quan đến <i>QH kiểm soát các cơ sở hạ tầng quy mô lớn xung quanh Khu vực Di sản</i>				2
4	1.4	Hạn chế rủi ro bởi số lượng du khách quá đông cùng với việc với việc XD cơ sở hạ tầng du lịch...; liên quan đến <i>QH kiểm soát các cơ sở hạ tầng du lịch xung quanh khu vực Di sản</i> .				2
5	1.5	Thiết lập được các <i>QH bảo tồn Di sản</i>				2
	2	Phát triển ngành CN văn hóa				2
6	2.1	Số lượng các địa điểm bố trí Khu thương mại và văn hóa (BID - Business Improvement District); liên quan đến <i>QH bố trí hệ thống các khu thương mại và văn hóa</i>				2
	3	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng ngành CN văn hóa				10
7	3.1	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chất lượng, đáng tin cậy, bền vững và có khả năng phục hồi, bao gồm cơ sở hạ tầng địa phương, quốc gia và xuyên biên giới, để hỗ trợ phát triển 12 lĩnh vực của ngành CN văn hóa; cơ sở cho việc <i>lập QH định hướng có liên quan</i>				2
8	3.2	Triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành CN văn hóa trong các nước ASEAN và các nước khác gắn với hệ thống Di sản thế giới của UNESCO; cơ sở cho việc <i>lập QH định hướng có liên quan</i>				2
9	3.2	Triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành CN văn hóa trong quốc gia gắn với Hệ thống Di sản thế giới của UNESCO và Hệ thống Di sản cấp quốc gia đặc biệt của Việt Nam; Cơ sở cho việc <i>lập QH định hướng có liên quan</i>				2
10	3.4	Triển khai chiến lược liên kết, kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng ngành CN văn hóa trong mỗi địa phương gắn với Hệ thống Di sản thế giới của UNESCO, Hệ thống Di sản cấp quốc gia đặc biệt của Việt Nam và Hệ thống di sản cấp địa phương; cơ sở cho việc <i>lập QH định hướng có liên quan</i>				2
11	3.5	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng ngành CN văn hóa, là động lực và yếu tố tạo lập các Khu vực thương mại và văn hóa (BID); cơ sở cho việc <i>lập QH định hướng có liên quan</i>				2
	4	Môi trường văn hóa gắn và khả năng chống chịu				10
12	4.1	Hệ thống các cơ sở văn hóa; liên quan đến <i>QH định hướng các công trình văn hóa tâm quốc gia, quốc tế</i> , đặc biệt là bảo tàng, nhà triển lãm, cầu qua sông Hồng... bổ sung cho hệ thống cơ sở văn hóa hiện tại				2
13	4.2	Không gian văn hóa gắn với hệ thống sông, tạo thành tuyến không gian mở dạng hành lang; liên quan đến <i>QH hệ thống không gian văn hóa gắn với hệ thống sông</i>				2
14	4.3	Không gian văn hóa gắn với hệ thống trục đường, tạo thành tuyến không gian mở dạng hành lang; liên quan đến <i>QH hệ thống không gian văn hóa gắn với hệ thống trục đường</i>				2
15	4.4	Không gian văn hóa gắn với hệ thống hồ cảnh quan, tạo thành không gian điểm nhấn; liên quan đến <i>QH hệ thống không gian văn hóa gắn với hệ thống hồ cảnh quan</i>				2

16	4.5	Không gian văn hóa gắn với di tích, quảng trường tạo thành không gian lễ hội và không gian diêm nhân; liên quan đến <i>QH hệ thống không gian văn hóa gắn với hệ thống di tích và quảng trường</i>				2
	5	Văn hóa và đô thị thông minh				18
17	5.1	Cân bằng với tự nhiên: Nhấn mạnh cân bằng sinh thái đô thị, gắn với việc sử dụng và khai thác tài nguyên; liên quan đến <i>QH sử dụng đất và khai thác tài nguyên theo mô hình cân bằng với tự nhiên</i>				2
18	5.2	Cân bằng với truyền thống: Là sự cân bằng giữa sự tiếp nhận theo chiều rộng của văn hóa mới (văn hóa CN, dịch vụ) và sự kết tinh theo chiều sâu của văn hóa truyền thống (văn hóa nông nghiệp); liên quan đến <i>QH phát triển văn hóa trong giai đoạn CMCN 4.0</i>				2
19	5.3	Công nghệ phù hợp: Nhấn mạnh việc sử dụng vật liệu XD, kỹ thuật XD, hệ thống cơ sở hạ tầng và quản lý dự án phù hợp với bối cảnh địa phương; liên quan đến <i>QH theo mô hình công nghệ XD thông minh gắn với chuyển đổi số</i>				2
20	5.4	Tương tác XH: Nhấn mạnh việc hình thành các khu vực công cộng với nhiều cấp khác nhau phù hợp với mức tương tác cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội; liên quan đến <i>QH các khu vực công cộng phù hợp theo các mức tương tác xã hội</i>				2
21	5.5	Hiệu quả: Nhấn mạnh đến việc thúc đẩy sự cân bằng giữa tiêu thụ tài nguyên, sử dụng nhân lực, thời gian, tài chính với các thành tựu đáp ứng nhu cầu cơ bản và nhu cầu cấp cao của con người; liên quan đến <i>QH theo mô hình hiệu quả bền vững</i>				2
22	5.6	Quy mô của con người: Nhấn mạnh đến việc phát triển đô thị trên mặt đất, có thể đi bộ được và các giải pháp định lượng không gian dựa trên các biện pháp nhân trắc học, hình thái và thể lực con người Việt Nam; liên quan đến <i>QH theo mô hình phù hợp với thông số con người</i>				2
23	5.7	Đa dạng về cơ hội: Nhấn mạnh đến việc thúc đẩy khả năng tiếp cận nơi ở, chăm sóc sức khỏe, tăng điều kiện an toàn và vệ sinh và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mức thu nhập, nhà ở, công việc; liên quan đến <i>QH theo mô hình tạo lập đa dạng cơ hội phát triển</i>				2
24	5.8	Hội nhập khu vực: Nhấn mạnh đến sự liên kết bên trong đô thị và với bên ngoài đô thị, trong xã và ngoài xã; liên quan đến <i>QH hành lang, trục không gian liên kết, kết nối</i>				2
25	5.9	Đồng bộ kết cấu hạ tầng, trước hết là cân bằng GT: Nhấn mạnh đến việc hình thành hệ thống GT tích hợp và cân bằng giữa phương thức đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô, xe bus, tàu điện; cân bằng thông qua việc phân chia các tuyến vận chuyển hàng hóa và các tuyến không có xe cơ giới; liên quan đến <i>QH kết cấu hạ tầng theo mô hình đồng bộ và cân bằng</i>				2
	6	Di sản văn hóa và cảnh quan				6
26	6.1	Di sản là điểm nhấn cảnh quan tạo hình ảnh đặc trưng của Thủ đô; liên quan đến <i>QH Di sản như là Hệ thống điểm nhấn cảnh quan, tạo hình ảnh đặc trưng của Thủ đô</i> ; là không gian văn hóa – sáng tạo, một trong 5 không gian phát triển của TP Hà Nội				2
27	6.2	Di sản là điểm kết nối cho 5 trục không gian quan trọng; liên quan đến <i>QH Di sản như là Hệ thống điểm kết nối cảnh quan tại 5 trục không gian</i>				2
28	6.3	Di sản là điểm nhấn và điểm kết nối vùng cảnh quan: Vùng cảnh quan đô thị tập trung; Vùng cảnh quan chuỗi đô thị ven đô; Vùng cảnh quan hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh; Vùng cảnh quan nông thôn; liên quan đến <i>QH Di sản như là Hệ thống điểm nhấn và điểm kết nối cảnh quan cho 4 vùng cảnh quan đặc trưng</i>				2
	7	Danh hiệu văn hóa- TP vì Hòa Bình, TP Sáng Tạo, Thủ đô văn hóa				6
29	7.1	Hình thành các tuyến, hành lang kết nối các địa điểm gần trực tiếp với danh hiệu văn hóa, kết hợp với 5 hành lang, vành đai kinh tế, 5 trục không gian quan trọng; liên quan đến <i>QH theo mô hình danh hiệu văn hóa kết nối các tuyến hành lang, vành đai kinh tế</i>				2
30	7.2	Hình thành các trung tâm gần trực tiếp với danh hiệu văn hóa, tạo điểm nhấn của 5 vùng đô thị và khu vực nông thôn; liên quan đến <i>QH các trung tâm thương mại và văn hóa gần trực tiếp với danh hiệu văn hóa</i>				2
31	7.3	Hình thành cảnh quan kiến trúc, môi trường sạch, đẹp gần trực tiếp với danh hiệu văn hóa; liên quan đến <i>QH cảnh quan kiến trúc, môi trường theo mô hình gắn với danh hiệu văn hóa</i>				2
		Tổng cộng điểm đánh giá mức cao nhất	0	31	62	62

Quy hoạch cảnh quan kiến trúc, môi trường sạch, đẹp gắn trực tiếp với danh hiệu văn hóa, qua đó tạo lập phong cách, biểu tượng về cảnh quan của mỗi địa điểm và của toàn Hà Nội.

Bộ tiêu chí đánh giá sự phù hợp với cấu trúc Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa

Sau khi tham khảo thêm các ý kiến của nhiều chuyên gia quy hoạch, qua việc điều tra xã hội học, gồm 7 nhóm mục tiêu với 31 tiêu chí. Toàn bộ 31 tiêu chí về các yếu tố bất biến trong cấu trúc Quy hoạch chung TP Hà Nội đều được các chuyên gia đồng tình với tỷ lệ tối thiểu 70%.

Bộ tiêu chí này có vai trò như một yếu tố khung cho việc đánh giá mức độ phù hợp của quy hoạch cấp thấp hơn (Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã, Quy hoạch khu chức năng, Quy hoạch chi tiết) so với Quy hoạch cấp cao là Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội.

Thông qua việc đánh giá điểm tại từng tiêu chí theo mức độ đáp ứng hay phù hợp của đồ án quy hoạch với đồ án quy hoạch cấp cao hơn: Không đáp ứng được - 0 điểm; Đáp ứng được một phần - 1 điểm; Đáp ứng được hoàn toàn - 2 điểm. Tổng điểm cao nhất là 62 điểm. Một đồ án phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn phải tối thiểu đạt cao hơn mức 31 điểm.

Tóm lại, trên cơ sở về Quy định bảo vệ và quản lý Di sản thế giới của UNESCO; Công ước bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO; Bộ chỉ số văn hóa chuyên đề trong Chương trình nghị sự 2030 của UNESCO; Nguyên tắc tạo lập đô thị thông minh tại các quốc gia phát triển thì Bộ tiêu chí về các yếu tố bất biến trong Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội dưới góc nhìn văn hóa, gồm 7 nhóm tiêu chí hay mục tiêu: i) Bảo vệ và quản lý di sản; ii) Phát triển ngành Công nghiệp văn hóa; iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cho ngành Công nghiệp văn hóa; iv) Môi trường văn hóa và khả năng chống chịu; v) Văn hóa và đô thị thông minh; vi) Di sản văn hóa và cảnh quan; vii) Danh hiệu văn hóa. Mỗi nhóm có một số tiêu chí, tổng cộng có 31 tiêu chí cụ thể. Tuy nhiên, để tài vẫn luôn trân trọng và mong có thêm nhiều sự đóng góp của các lãnh đạo,



nhà quản lý, chuyên gia quy hoạch để hoàn thiện Bộ tiêu chí thêm nữa.

Việc ứng dụng Hệ thống các tiêu chí bất biến dưới góc nhìn văn hóa giúp các nhà tư vấn, cơ quan tham mưu,... có thể đề xuất nhanh, hiệu quả các giải pháp quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch. Ngoài ra, việc ứng dụng Hệ thống này tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia quá trình lập, quản lý, khai thác quy hoạch sẽ có trách nhiệm, định hướng, định lượng được các giải pháp hành động, thông qua các quy hoạch, dự án, đề án phát triển đô thị và nông thôn, nhằm điều tiết một cách cân bằng, hài hòa lợi ích của nhiều bên trong khi vẫn đảm bảo sự phát triển chung, không chỉ ở hiện tại mà còn ở tương lai.

Như vậy, việc vận dụng hệ thống tiêu chí bất biến gắn với văn hóa trong cấu trúc Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội có thể giúp công tác quản lý xây dựng đô thị và nông thôn theo phương thức quy hoạch mới, tăng tính khoa học, khách quan, công bằng, minh bạch, nhất là trong việc lập, điều chỉnh Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xã, đặc khu, Quy hoạch chi tiết từng khu vực chức năng, từng dự án; qua đó thúc đẩy các hoạt động đầu tư xây dựng. Đây có thể góp phần tạo lập chuẩn mực mới cho quá trình đô thị hóa tại TP Hà Nội và Việt Nam, cần thiết phải mở rộng phạm vi nghiên cứu ra các góc

nhìn khác, sau đó tập hợp lại, tạo thành một quy trình đồng bộ cho việc triển khai các quy hoạch cấp thấp hơn tại TP Hà Nội và có thể ứng dụng cho 34 tỉnh, thành trên cả nước. Chính vì vậy, nội dung nghiên cứu này có thể được biên soạn thành tài liệu phục vụ cho việc đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực thiết kế, lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch cho TP Hà Nội và mở rộng ra cả nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Tổng Bí thư Tô Lâm, 2025, Các toàn văn phát biểu chỉ đạo quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước.
- 2) Thủ tướng Chính phủ, 2024, QH Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh QH chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.
- 3) Doãn Minh Khôi, 2017, Hình thái học đô thị, NXB Xây dựng.
- 4) Phạm Đình Tuyền, 2016, Di sản thế giới tại các nước ASEAN- NXB Xây dựng.
- 5) Lê Xuân Trường, 2025, "Di bất biến ứng vạn biến" trong QH chung Hà Nội cùng Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, Tạp chí KTVN số 256/2025.
- 6) Lê Xuân Trường, 2025, Bảo tồn, phát huy giá trị Bất biến của Hồ Gươm là tiền đề xây dựng một đặc khu, một di sản văn hóa thế giới mới, Tạp chí KTVN số 257/2025.
- 7) Dự thảo Báo cáo tổng hợp Đề tài NCKH của Trường Đại học Mở Hà Nội về Nghiên cứu các yếu tố Bất biến trong Quy hoạch chung TP Hà Nội dưới góc nhìn Văn hóa.